

Bản án số: **61/2023/HS-ST**

Ngày: 25/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Vân Anh

Bà Trần Thị Thìn

Ông Vũ Văn Đán

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C (tên gọi khác: L), sinh năm 1987 tại tỉnh Tiền Giang; nơi thường trú: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1947 và bà Trương Thị B, sinh năm 1951, gia đình bị cáo có 12 anh em, bị cáo là con thứ mười trong gia đình; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L1 (đã ly hôn) và 02 người con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 06/02/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 15/2007/HSST (bị cáo đã chấp hành xong);

+ Ngày 11/9/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 87/2009/HSST (Bị cáo đã chấp hành xong);

+ Ngày 21/11/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 149/2016/HSPT (bị cáo đã chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C: Luật sư Đinh Ngọc H – Luật sư thuộc Văn phòng L2 - Đoàn luật sư tỉnh B; Địa chỉ: Ngõ A P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, có mặt.

Bị hại: Bà Dương Thị T, sinh năm 1977; Trú tại: Khu phố C, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hàn Phương Đ, sinh năm 2001, vắng mặt;
2. Anh Hàn Phương B1, sinh năm 2002, có mặt;
Cùng trú tại: Khu phố C, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.
3. Anh Hàn Phương N, sinh năm 1979; Trú tại: Khu phố C, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;
4. Anh Mai Thanh T1, sinh năm 1987; Trú tại: Khu phố C, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;
5. Anh Lữ Thanh H1, sinh năm 1975; Trú tại: Khu phố C, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C với chị Dương Thị T sống chung như vợ chồng tại nhà chị T thuộc ấp B, thị trấn C, huyện C (nay là khu phố I, phường H, thị xã C), tỉnh Bình Phước. Khoảng 15 giờ ngày 07/02/2022, C chở chị T đi khám bệnh tại “Phòng khám 24 giờ” thuộc phường H, thị xã C. Tại đây, chị T đưa một số trang sức bằng vàng (là tài sản riêng của chị T) gồm 01 vòng đeo tay, 01 lắc đeo chân, 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai và 01 đồng hồ (dây đeo bằng vàng) nhờ Cửa cất giữ. Khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, sau khi khám bệnh xong, C và chị T về nhà, C đưa lại số trang sức trên cho chị T cất vào ngăn kéo tại bàn trang điểm trong phòng chị T. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, do cần tiền trả nợ nên C nảy sinh ý định lấy trộm vàng của chị T, lợi dụng chị T sơ hở, C mở ngăn kéo lấy 01 sợi dây chuyền và 01 vòng đeo tay của chị T mang đến tiệm cầm đồ “Trọng Nguyên” thuộc khu phố C, phường H, thị xã C cầm cố lấy số tiền 4.000.000 đồng trả cho anh Lữ Thanh H1. Đến khoảng 08 giờ ngày 08/02/2022, C tiếp tục lấy 01 chiếc đồng hồ (có dây đeo bằng vàng), 01 lắc đeo chân và 01 đôi bông tai của chị T trong ngăn kéo mang đến tiệm cầm đồ “Trọng Nguyên” cầm lấy số tiền 8.000.000 đồng. Sau đó, C dùng 6.000.000 đồng mua 01 xe mô tô biển số 93P2-634.44 của anh Mai Thanh T1, còn 2.000.000 đồng Của tiêu xài cá nhân.

Đến sáng ngày 09/02/2022, chị T mở ngăn kéo phát hiện số trang sức bị mất nên hỏi, C nói đã mang đi cầm cố nên chị T trình báo đến Công an thị trấn C. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi làm việc với Công an, C về nhà nói chị T cùng 02 con riêng của chị T là Hàn Phương Đ và Hàn Phương B1 xuống bếp nói chuyện về việc Cửa sẽ chuộc các nữ trang trả lại chị T. Chị T nói C không thật lòng và ăn cắp vàng nên C lấy cái thớt định kê chặt ngón tay nhưng được chị T và B1 ngăn lại. Chị T nói Đ điện thoại báo Công an nên C bực tức lấy 01 con dao kích thước (36 x 8,5)cm chém liên tiếp nhiều nhát từ trên xuống trúng vai và lưng chị T rồi C quay sang chém Đông 01 nhát trúng vai. B1 lấy 01 cái ghế gỗ đánh Cửa để can ngăn thì bị C chém nhưng không trúng. Chị T cầm ghế định đánh C nhưng bị C quay qua chém nhiều nhát từ trên xuống trúng vào vùng đầu chị T làm dao rơi xuống nền nhà. Trong lúc giằng co, chị T, Đ và B1 vật Cửa xuống nền nhà. Đ lấy 01 cây rìu đánh 02 cái trúng vào vai C, chị T can ngăn nên Đ bỏ cây rìu xuống rồi Đ đập vào vai và đấm vào mặt C nhiều cái. Lúc này, chị T đi lên trước nhà nhờ người dân gọi xe cấp cứu. B1 tiếp tục lấy cây rìu đánh vào tay C khoảng 05 cái rồi tiếp tục lấy 01 con dao kích thước (37 x 7,5)cm chém trúng chân Cửa khoảng 02 nhát; Đ giẫm đạp lên tay Cửa. Do C vẫn còn chống cự nên chị T chạy vào cùng Đ giữ C lại, B1 dùng dao chém nhiều nhát trúng tay và chân C. Khi C không còn chống cự, B1 điện thoại cho cha ruột là anh Hàn Phương N (đã ly hôn với chị T) đến chở chị T đi cấp cứu. Chị T đưa dây để B1 trói Cửa lại. Khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, anh N đến đưa chị T đi cấp cứu rồi quay lại hiện trường dùng chân đạp nhiều cái vào đầu C rồi bỏ đi. Sau đó, B1 dùng ghế gỗ và 01 khúc cây còn Đ dùng ghế gỗ đánh nhiều cái trúng vào lưng C. Sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an thị trấn C đến hiện trường và đưa C đi cấp cứu [Bút lục 52-54; 145 – 157; 159; 167 – 172; 176 – 184; 190 – 193; 194 – 198].

- Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 130/2022/TgT ngày 10/5/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn C do thương tích gây nên hiện tại là 38%, thương tích của Nguyễn Văn C do vật sắc gây nên [BL: 59 – 61];

- Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 187/2022/TgT ngày 31/5/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Hàn Phương Đ do thương tích gây nên hiện tại là 02% [BL: 69 – 70];

- Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 188/2022/TgT ngày 08/6/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo trán phải kích thước (7 x 0,1)cm; Nứt xương sọ trán phải dài 03cm; Sẹo thái dương đỉnh trái kích thước (4 x 0,2)cm; Lỗ xương sọ vùng đỉnh trái đường kính 03cm; Sẹo cằm cổ kích thước (8,5 x 0,2)cm gọn; Sẹo trước vành tai trái kích thước (4 x 0,1)cm gọn;...

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Dương Thị T do thương tích gây nên hiện tại là: 30% (Ba Mươi phần trăm)” [BL: 65 – 67].

- Tại Kết luận giám định số: 61/KL-KTHS ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: không tìm thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tập tin video gửi giám định ký hiệu A1, A2 [BL: 73].

- Tại Kết luận giám định số: 139/KL-KTHS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất được 84 hình ảnh có đánh số thứ tự những người có liên quan thể hiện diễn biến vụ việc trong 02 tập tin gửi giám định ký hiệu A1, A2 [BL: 77];

- Tại Kết luận định giá tài sản số: 2448/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Phước, kết luận: 01 đồng hồ có dây đeo bằng vàng (đã qua sử dụng), loại vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ có giá trị: 6.720.000đ; 01 đôi bông tai vàng (đã qua sử dụng), loại vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ có giá trị: 6.720.000đ; 01 vòng đeo tay vàng (đã qua sử dụng), loại 24k, trọng lượng 0,7 chỉ có giá trị: 3.675.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng (đã qua sử dụng), loại 18k có giá trị: 25.872.000đ. Tổng các tài sản có giá trị là: 42.987.000đ [BL 95-96].

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã thu giữ: 01 cái thớt tròn bằng gỗ đường kính 37cm, dày 06 cm; 01 con dao cán gỗ, lưỡi bằng kim loại có kích thước (36x8,5)cm; 01 con dao cán gỗ, lưỡi bằng kim loại có kích thước (37x7,5)cm; 01 cây gỗ kích thước (103x2,5)cm; 01 sợi dây ràng bằng cao su, bọc vải phía ngoài kích thước (1,55x0,04)cm, 02 đầu dây có gắn móc bằng kim loại; 01 sợi dây kim loại dài 1,35m; 02 ghế gỗ có kích thước (40x45x100)cm; 03 phong bì niêm phong mẫu máu; 01 mảnh kim loại màu vàng, mặt ngoài đính đá trong suốt, có chốt khóa bị gãy rời bằng kim loại màu vàng (dạng bông tai); 20 sợi tóc thu tại hiện trường.

Đối với 01 mảnh kim loại màu vàng, mặt ngoài đính đá trong suốt, có chốt khóa bị gãy rời bằng kim loại màu vàng (dạng bông tai), Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị Dương Thị T.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Dương Thị T, Hàn Phương Đ và Nguyễn Văn C không yêu cầu bồi thường dân sự.

Cáo trạng số 35/CT-VKSBP-P2 ngày 09/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Giết người” và “Trộm cắp tài sản” theo điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như

nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn C tại Cáo trạng số 35/CT-VKSBP-P2 ngày 09/10/2023.

- Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người” và “Trộm cắp tài sản”

+ Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; **Điều 15, Điều 57**; Điều 38 Bộ luật hình sự hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo 09 đến 10 năm tù về tội “Giết người”;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội là 11 năm đến 12 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử lý các vật chứng theo quy định pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại T không có yêu cầu bị cáo C bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C:

Thông nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, người bào chữa cho rằng bị cáo C có trình độ học vấn thấp, am hiểu pháp luật có phần hạn chế, bị cáo luôn tỏ ra ăn năn hối cải trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử; bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù đối với tội “Giết người” là phù hợp. Đối với tội “Trộm cắp tài sản” do bị cáo đã từng bị xử phạt về tội chiếm đoạt, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nhiều lần nên quan điểm người bào chữa không có ý kiến gì về hình phạt đối với tội danh này.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, các kết luận giám định, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 07/02/2022, tại nhà chị T thuộc khu phố I, phường H, thị xã C, lợi dụng chị T sơ hở Cửa đã lén lút mở ngăn kéo bàn trang điểm lấy trộm số nữ trang bằng vàng gồm 01 sợi dây chuyền, 01 vòng đeo tay; ngày 08/02/2022 Cửa tiếp tục lấy 01 chiếc đồng hồ dây đeo bằng vàng và 01 lắc đeo chân, 01 đôi bông tai cầm cổ tại tiệm cầm đồ “Trọng Nguyên” được số tiền 12.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Kết quả định giá xác định tổng giá trị 01 đồng hồ có dây đeo bằng vàng loại vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai vàng (đã qua sử dụng), loại vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ; 01 vòng đeo tay vàng (đã qua sử dụng), loại 24k, trọng lượng 0,7 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng (đã qua sử dụng), loại 18k là 42.987.000 đồng.

Đến khoảng 18 giờ ngày 09/02/2023 khi chị T và hai con chị T là Hàn Phương Đ, Hàn Phương B1 nói về việc C lấy vàng của chị T mang đi cầm cố, C đòi chặt tay của mình nhưng chị T, Đ, B1 can ngăn, đòi báo chính quyền địa phương, C bực tức dùng 01 con dao kích thước (36 x 8,5) cm chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng vai, lưng, cổ, đầu của chị T gây thương tích 30%. Việc chị T không tử vong là do được đưa đi cấp cứu kịp thời, nằm ngoài ý chí chủ quan của Cửa.

Hành vi trên của Nguyễn Văn C đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo C là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi bị cáo thực hiện đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản, sức khỏe, tính mạng của con người, là khách thể được Bộ luật Hình sự ưu tiên bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc thực hiện hành vi phạm tội như trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại T 02 lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự về tội “trộm cắp tài sản”

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có trình độ học vấn thấp, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời xem xét nhân thân bị cáo thấy rằng C là người có nhân thân xấu, từng bị xử phạt rất nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, cố ý gây thương tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội với tính chất, mức độ ngày càng nguy hiểm hơn, thể hiện bị cáo là người coi thường và thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, cần xem xét áp dụng Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự về phạm tội chưa đạt khi quyết định hình phạt về tội giết người đối với bị cáo, cụ thể *“Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định”* để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt so với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với tội “Giết người” để thể hiện chính sách khoan hồng pháp luật đồng thời tạo điều kiện để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T không có yêu cầu bị cáo C bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các vật, tài sản không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 cái thớt bằng gỗ đường kính 37cm, dày 06cm;
- 01 con dao cán gỗ, lưỡi bằng kim loại có kích thước (36x8,5)cm;
- 01 con dao cán gỗ, lưỡi bằng kim loại có kích thước (37x7,5)cm;

- 01 cây gỗ kích thước (103x2,5)cm;
 - 01 sợi dây ràng bằng cao su, bọc vải phía ngoài kích thước (1,55x0,04)cm
- 02 đầu dây có gắn móc bằng kim loại;
- 01 sợi dây kim loại dài 1,35m;
 - 02 ghế gỗ có kích thước (40x45x100)cm;
 - 03 phong bì niêm phong mẫu máu;
 - 20 sợi tóc thu tại hiện trường (đã niêm phong).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, bảng kê tang vật kèm theo ngày 18/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước)

[8] Đối với hành vi C dùng dao chém vào vai Hàn Phương Đ gây thương tích 02% (hai phần trăm) có dấu hiệu tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự nhưng do Đ có đơn yêu cầu không khởi tố vụ án hình sự, tại phiên tòa cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi của Hàn Phương Đ, Hàn Phương B1 dùng ghế đánh, dùng dao chém C gây thương tích 38%. Thấy rằng giữa B1, Đ và C không có mâu thuẫn gì, khi C có hành vi dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát vào đầu, trán, vai của bị hại T thì Đ lấy ghế đánh C để can ngăn nhưng C vẫn tiếp tục dùng dao chém Đ, T nên B1 đã dùng dao chém vào vùng chân, tay của C. Việc B1 và Đ có hành vi này là vì bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của Nguyễn Văn C gây ra cho mẹ ruột là chị T nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo C không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét xử lý.

Đối với việc anh Hàn Văn N1 có hành vi dùng chân đạp vào đầu C nhưng quá trình điều tra không xác định được hành vi của anh N1 có gây thương tích cho C. Mặt khác, C có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên không xem xét xử lý.

Đối với việc chị Dương Thị T có hành vi can ngăn và cùng B1, Đông trói tay chân C vào mục đích chị T, B1, Đ là để khống chế không để C đánh lại nên hành vi của T, B1 và Đ không đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại Điều 157 Bộ luật hình sự.

Đối với việc chị Trương Thị Tú N2 là chủ tiệm cầm đồ “Trọng Nguyên” nhận cầm cố số trang sức vàng nhưng chị N2 không biết nguồn gốc số tài sản này là do C phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với việc anh Lữ Thanh H1 nhận số tiền 4.000.000 đồng do C trả nợ và việc anh Mai Thanh T1 nhận 6.000.000 đồng để bán xe mô tô cho C nhưng anh H1 và anh T1 không biết số tiền nêu trên của C có được là do phạm tội mà có nên không có xem xét xử lý.

Đối với việc chị Dương Thị T xác định bị mất 01 chiếc nhẫn vàng, quá trình điều tra không thu thập được tài liệu chứng minh Nguyễn Văn C hay cá nhân khác đã chiếm đoạt chiếc nhẫn vàng này nên không có căn cứ xử lý.

Đối với xe mô tô biển số 93P2-634.44 mà Nguyễn Văn C đã mua từ nguồn tiền do chiếm đoạt tài sản của chị T, hiện nay chiếc xe này chị T đang quản lý, sử dụng, Cơ quan CSĐT không thu giữ nên không xem xét.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Giết người” và “Trộm cắp tài sản”

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C **08 (tám) năm tù** về tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C **02 (hai) năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **10 (mười) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2022.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các vật, tài sản không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 cái thớt bằng gỗ đường kính 37cm, dày 06cm;
 - 01 con dao cán gỗ, lưỡi bằng kim loại có kích thước (36x8,5)cm;
 - 01 con dao cán gỗ, lưỡi bằng kim loại có kích thước (37x7,5)cm;
 - 01 cây gỗ kích thước (103x2,5)cm;
 - 01 sợi dây ràng bằng cao su, bọc vải phía ngoài kích thước (1,55x0,04)cm
- 02 đầu dây có gắn móc bằng kim loại;
- 01 sợi dây kim loại dài 1,35m;

- 02 ghế gỗ có kích thước (40x45x100)cm;
- 03 phong bì niêm phong mẫu máu;
- 20 sợi tóc thu tại hiện trường (đã niêm phong).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, bảng kê tang vật kèm theo ngày 18/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước)

4. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND CC tại TP.HCM; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQĐT - CA tỉnh Bình Phước; (1);
- CQTHAHS – CA tỉnh Bình Phước (18);
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo (1)
- Bị hại (1)
- Người bào chữa; (1)
- Người liên quan; (3)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (01)
- THCTP; Lưu Hồ sơ. (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Hạnh